

(theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng** **Năm 2018**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 0263 505 505
- Số fax: 0263 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

Quá trình hình thành và phát triển

• Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

• Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Khảo sát, thăm dò địa chất các loại khoáng sản (kể cả đá quý và vàng);
- Khai thác, tuyển luyện gia công chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản, vàng, bạc, đá quý, kim loại, phi kim loại, nước khoáng và vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất thủy điện, xây lắp đường dây và trạm trung thế, hạ thế;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai thác và chế biến khoáng sản;

- Trồng, chế biến tiêu thụ: chè đắng, chè dây, một số sản phẩm đặc sản khác;
 - Sản xuất nước uống tinh khiết, nước chè đắng, chè dây và các loại nước giải khát;
 - Chiết suất tinh chất chè đắng, chè dây và các loại thảo dược;
 - Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

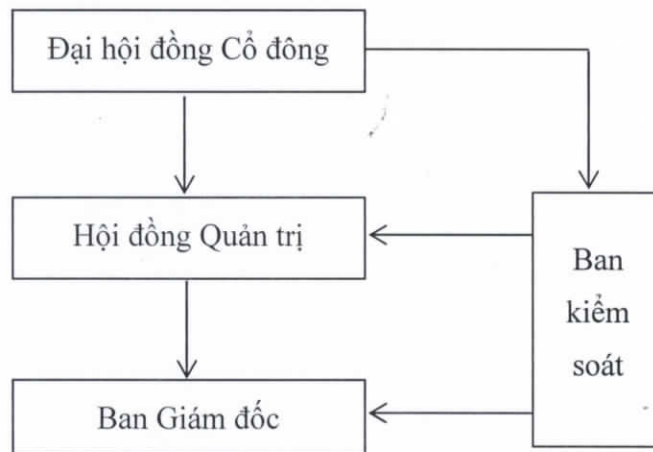
Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng

Thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng

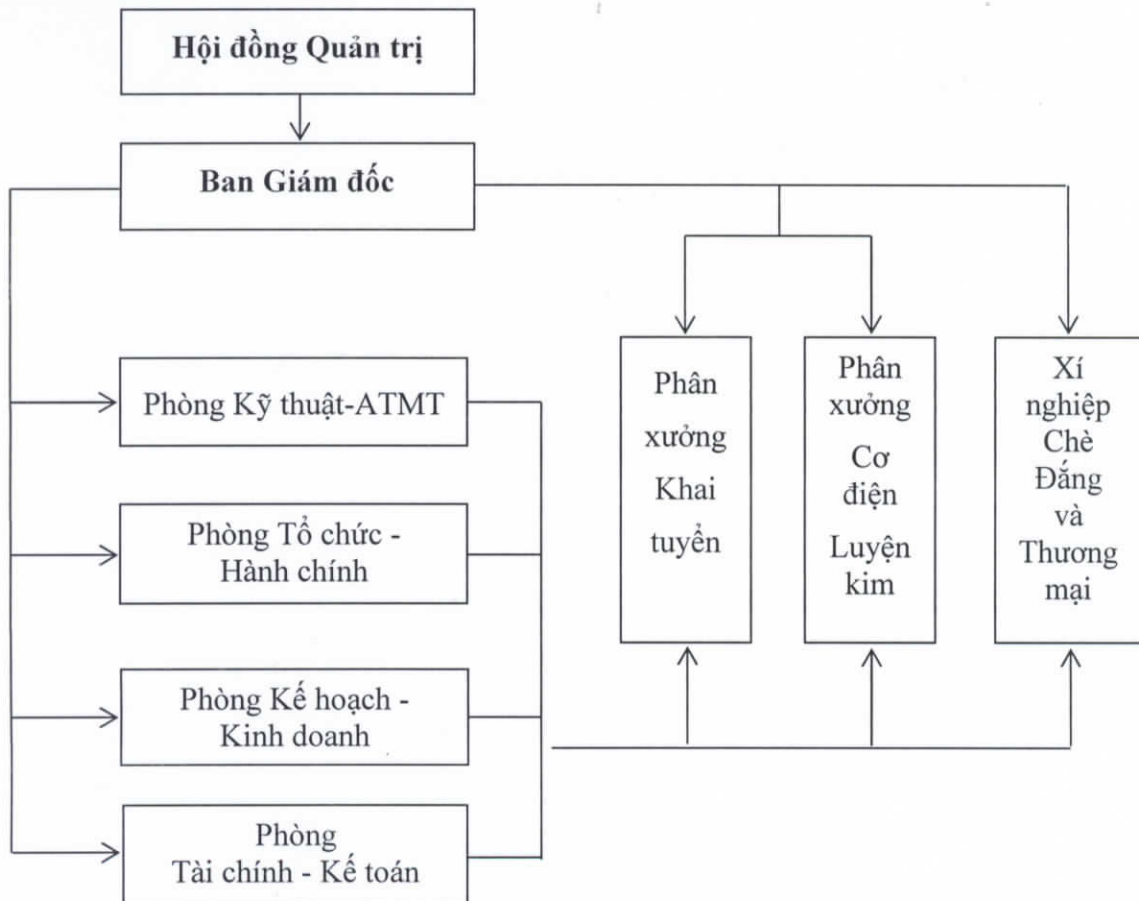
Xã Trường Hà - Huyện Hà Quảng - Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp 2014



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Công ty liên kết: Cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Thái Tuấn

Địa chỉ: Phường Đề Thám - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng;

Lĩnh vực SXKD: sửa chữa, trung đại tu ô tô;

Vốn góp: 105.000.000 đồng;

Tỷ lệ sở hữu: 5,8%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2019:

Doanh thu: 97,268 tỷ đồng;

Hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép Mô thiếc Nậm Kép; Đầu tư năng lực vận tải nhằm nâng cao công suất khai thác và năng lực bốc xúc, vận chuyển;

Xử lý các tồn đọng tài chính, phân đầu chia cổ tức.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tăng cường công tác quản trị chi phí nhằm giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất.

Quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản

Sắp xếp lại lao động phù hợp với công nghệ và tổ chức sản xuất.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Đảm bảo an toàn môi trường, an sinh xã hội.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Thiên tai: lũ lụt, nắng hạn kéo dài;

- Thay đổi chính sách của Nhà nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch		Tỷ lệ (%)	
				Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	105.868	97.268	105.898	108,8	99,9
2	Lợi nhuận	Tr.đ	500	811	381	61,6	131,2
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Quặng thiếc 70% Sn	Tấn	276	297	300	92,9	92,0
3.2	Thiếc thỏi 99,75% Sn	Tấn	171	200	202	85,5	84,6
3.3	Vàng cám	Kg	5,62	5,0	5,0	112	112
3.4	Ferô Silic 45	Tấn	601	600	600	100,1	100,1
3.5	Điện năng	Tr/kwh	7,8	8,2	8,2	95,1	95,1

- Sản phẩm Quặng sắt: dừng sản xuất quý I năm 2015.
- Sản phẩm tinh quặng thiếc 70% Sn: Sản xuất đạt 276/297 tấn bằng 92,9% so với KH năm và bằng 99,9% so với cùng kỳ năm 2017.
- Thiếc thỏi 99,75%Sn tinh luyện: Đạt 171/200 tấn bằng 85,5 % KH năm và bằng 85,0% so với cùng kỳ năm 2017.
- Sản phẩm vàng sa khoáng: Sản xuất đạt 5,62 /5,0 kg, bằng 112 % KH năm và bằng 112 % so với cùng kỳ năm 2017.
- Sản xuất Ferro Silic 45: sản xuất đạt 601/ 600 tấn bằng 100,1 % KH năm và bằng 96,9% so với cùng kỳ năm 2017.
- Sản xuất, phát dẫn điện năng: Đạt 7,8 / 8,2 triệu Kwh bằng 95,1 % KH năm và bằng 91,7% so với cùng kỳ năm 2017.
- Sản xuất chè đóng hộp các loại: Đạt 21.911/21.000 hộp bằng 104,3% KH.
- Sản xuất nước lọc: Đạt 746.716/700.000 lít bằng 106,6% .

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Gồm các ông/bà sau:

Ông Nguyễn Minh Tâm - Giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 01/7/2016 đến nay; sở hữu 0,04% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

Ông Nguyễn Tiến Hào giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 01/8/2013 đến nay; sở hữu 0,02% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Lao động đầu kỳ: 112 người; hết ngày 31/12/2018: 295 người;

Lao động sử dụng bình quân: 294 người..

CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt không đạt tiến độ đã công bố và cam kết .

Công ty đang triển khai thực hiện 2 dự án cụ thể sau:

* Dự án đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập lục phần.

- Công ty đã tiến hành thuê tư vấn lập dự án, tư vấn thẩm định dự án và đã được HĐQT thông qua và quyết định phê duyệt với Tổng mức đầu tư dự án là 47.503 triệu đồng.

- Dự án đã được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo phục hồi môi trường.

- Dự án đã được UBND tỉnh Cao Bằng đã cấp giấy phép khai thác.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị Công ty đã yêu cầu BDH chỉ đạo tiến hành đánh giá lại hàm lượng quặng trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập lục phần bằng cách khai thác và tuyển

rửa thử. Sau khi đánh giá hàm lượng quặng Công ty tiến hành lập các phương án triển khai dự án như sau :

- Phương án 1 : Sàng lọc lấy đất quặng trong đất đá thải bằng sàng tuyển di động rồi vận chuyển xuống phân xưởng khai tuyển để tuyển rửa.

- Phương án 2 : Xã hội hóa kêu gọi góp vốn đầu tư để triển khai dự án;

* Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép.

Trong năm 2018, Công ty tư vấn đo vẽ khảo sát địa hình và xác định ranh giới địa hình khu mỏ thiếc Nậm Kép để phục vụ công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang trình Tổng cục Địa chất Khoáng sản phê duyệt trữ lượng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	130.292	135.706	
Doanh thu thuần	97.905	103.281	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.920	-450	
Lợi nhuận khác	-2.400	950	
Lợi nhuận trước thuế	-4.321	500	
Lợi nhuận sau thuế	-4.321	439	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	1,79	1,89	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,94	1,18	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,28	0,13	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,22	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	2,79	3,26	
<u>Doanh thu thuần</u>	0,75	0,76	

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,044	0,042	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,046	0,047	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,033	0,032	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,019	0,048	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 31/12/2018	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2	5.313.726	66,42
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53
2	Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)	1.031	2.686.274	33,58
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	1	230.316	2,88
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.030	2.455.958	30,94
Tổng cộng		1.033	8.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...

Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Không có

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Sản phẩm chính: Thiếc thỏi 99,75%Sn:	177,4 tấn
- Nguyên liệu chính: Quặng thiếc 70%:	256,7 tấn
Fero Silic 75:	9,15 tấn.
Vôi bột:	12,43 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Nhiên liệu: Than cốc các loại: 688 tấn

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Động lực: 145.000 Kwh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước: Hồ nước khu Tây - Mỏ Thiếc Tĩnh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng

Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 3.777.074 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 60%: 2.266.244 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng lao động: 294

Mức lương trung bình: 5,1 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc; chính sách về nguyên liệu khu vực xung đột khoáng sản...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

(Chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại mục 1 phần 2 của báo cáo này)

Giải trình về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 không đạt như kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua là do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, tài nguyên mỏ thiếc Tĩnh Túc đã cạn kiệt cả về trữ lượng và hàm lượng dẫn đến sản lượng thiếc thời sụt giảm so với 2017 (171 tấn/201 tấn = 85,0%) làm cho giá thành sản xuất của thiếc thời tăng cao 27.508 Tr.đ/T. (373.388/345.880 Tr.đ/T)

Thứ hai, Mỏ sắt Nà Lũng tạm dừng từ năm 2015 đến nay vẫn đang trong thời gian chờ chủ sở hữu phê duyệt phương án chuyển nhượng quyền khai thác mỏ sắt Nà Lũng hoặc làm thủ tục đóng cửa mỏ. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc duy trì Mỏ sắt Nà Lũng bao gồm tiền cấp quyền khai thác Mỏ sắt Nà Lũng chi phí khấu hao và tiền thuê đất phát sinh trong năm 2018 ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty.

Thứ ba, Công ty chủ động giãn tiến độ thực hiện để đánh giá chi tiết lại hiệu quả của dự án khai thác tận thu quặng thiếc khu vực bãi thải Thập Lục Phần

Như vậy, kết quả lãi năm 2018 là 500,5 triệu đồng, tuy nhiên, không đủ bù đắp lỗ năm 2017.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
A- Tình hình tài chính				
I- Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	71.986	61.133	(15.131)
1-Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	4.127	2.021	4.177
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	40.807	30.094	(23.505)
3- Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	27.010	28.898	3.356
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	40.865	120	841
II- Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	63.720		(9.210)
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	7.701	6.859	621
2- Tài sản cố định	220 - BCĐKT	41.198	48.322	(14.380)
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT			
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT			
3-Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT	11.777	10.222	4.644
3- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	102	105	-
4- Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	2.938	3.651	(95)
III- Nợ phải trả	300 - BCĐKT	42.903		(29.047)
1- Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	38.040	34.046	(28.151)
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	11.824	3.520	(2.489)
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT		2.664	(26)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	6.307	4.764	(16.385)
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	2.738	4.778	(4.134)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	3.073	2.414	(9)
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	2.538	2.130	(754)
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	7.317	9.072	(3.195)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	4.240	4.703	(1.159)
2- Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	4.863	3141	(896)
- Phải trả dài hạn khác	337 - BCĐKT	13	13	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 - BCĐKT	4850	3.128	(896)
IV- Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	92.803	93.105	4.706
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	80.000	80.000	-
Trong đó: Vốn góp của nhà nước				-
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	-
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT	779	779	-
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	438	-3.842	11.204

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
5- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433 - BCĐKT	9.872	10.612	(6.498)
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD		97.958	(430)
Trong đó: Doanh thu bán hàng		103.281	97.905	(15.079)
Doanh thu hoạt động tài chính		87	53	62
Thu nhập khác		2.499	2.201	14.587
2- Tổng lãi (+), lỗ (-)	50- BCKQKD	500	-4.321	10.664
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60- BCKQKD	438	-4.321	10.694
4- Tổng phải nộp ngân sách:		20.069	21.699	(19.330)
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		0,48%	-4.31 %	
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu		0,6%	-5.4%	
3- Tổng nợ phải trả /Vốn đầu tư của CSH		0,51	0,46	
4- Khả năng thanh toán	lần			
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,89	1,79	
6 - Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,46	0,45	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	53%	47%	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	47%	53%	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty luôn luôn giữ vững khẩu hiệu "An toàn - Kỷ luật - Đồng tâm".

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Công ty triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2018, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Chương trình quan trắc chất lượng môi trường được công ty phối hợp với Trung Tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh thực hiện theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu giám sát chất thải, 2 lần /năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Tại thời điểm nghiệm thu Công ty đã thực hiện quan trắc 4 quý, các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải và kim loại nặng trong đất.

- Nạo vét, cải tạo mương rãnh thoát nước: Công tác nạo vét trong kỳ được thực hiện chủ yếu tại phân xưởng khai tuyển nhằm xử lý cặn bùn lửng trong hệ thống hồ lắng thải sau tuyển và hệ thống mương thoát nước khu Tây - Mỏ Thiếc Tĩnh Túc đảm bảo thoát nước trong mùa mưa bão và được thực hiện thường xuyên hơn trong mùa mưa bão.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Trong năm Công ty ký hợp đồng với đơn vị được cấp phép xử lý chất thải nguy hại, do khối lượng phát sinh hàng năm không nhiều nên công tác bàn giao chỉ thực hiện 1 năm 1 lần.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi theo Luật lao động, như đối với các bộ phận liên quan đến ngành nghề nặng nhọc độc hại, Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật đầy đủ cho người lao động; định kỳ hàng năm Công ty tổ chức từng đợt khám sức khỏe cho người lao động ...

Trong năm Công ty xảy ra hai (02) vụ tai nạn lao động nặng, Công ty phối hợp với công đoàn tổ chức thăm hỏi động viên và thực hiện đúng chế độ tai nạn lao động cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của Công ty. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2018, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh chung của nền kinh tế và sự cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Công tác điều hành đã có nhiều chuyên biến, tiến độ giải quyết công việc cơ bản đáp ứng tiến độ đề ra, người đứng đầu đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao; Công tác phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được chú trọng, tập thể CBCNV luôn đoàn kết, môi trường sản xuất luôn đề cao yếu tố an toàn lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Với chủ trương bám sát các mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban điều hành phát huy tốt các nguồn lực, nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018
Tổng doanh thu	Triệu đồng	96.258	103.281
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	811	500
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng		17.963
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	285	294
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	5,3	5,1
Tổng giá trị đầu tư	Triệu đồng		

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2019, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn về tài nguyên do mỏ thiếc khu đông hết giấy phép, Tận thu bãi thải thập lục phân trong giai đoạn xin cấp phép và điều kiện công trường khó khăn ... đòi hỏi tác phát triển tài nguyên phải đặc biệt được chú trọng để từng bước tháo gỡ, khắc phục các khó khăn, xây dựng Công ty phát triển bền vững. Với các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu đạt 105.634 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 381 triệu đồng... Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động cho năm 2019 với các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập trung cho công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc trong công tác phát triển tài nguyên tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả .

- Tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, tập trung nhân lực, cân đối chi phí thực hiện để có được giấy phép khai thác tận thu bãi thải khu tây mỏ thiếc Tĩnh Túc và Mỏ thiếc Nậm Kép khi hết hạn của giấy phép khai thác Mỏ thiếc Tĩnh Túc (tháng 2/2019)

- Chỉ đạo Ban giám đốc công ty khẩn trương hoàn thiện và nâng cao các mặt quản lý gồm Công tác sắp xếp lao động; Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; Công tác Đầu tư; Công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; Công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

- Tiếp tục cùng Ban giám đốc Công ty kiện toàn bộ máy, sắp xếp lại các phòng ban, Xí nghiệp, phân xưởng theo mô hình tổ chức định biên bao động giai đoạn 2018-2020. Chỉ đạo ban Giám đốc lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhân sự chủ chốt cho các ngành nghề sản xuất chính của công ty. Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển lâu dài Công ty phù hợp với tình hình mới.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nông Minh Huyền - Trợ lý Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Chủ tịch HĐQT Công ty; sở hữu 0,63% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Bá Nghiệm- Phó phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Thành viên HĐQT Công ty; sở hữu 0,12% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Phó chánh Văn phòng Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Thành viên HĐQT Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Minh Tâm - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty; sở hữu 0,04% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Tiến Hào Thành viên HĐQT - Phó giám đốc Công ty; sở hữu 0,02% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tổ chức 14 phiên họp ban hành 22 nghị quyết để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám

sát thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các nghị quyết và quyết định phù hợp với điều lệ, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018:

Các nội dung quan trọng Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2018 như sau:

- Thống nhất gia hạn thời gian thực hiện đơn giá thuê thiết bị khai thác quặng thiếc Mỏ Thiếc Tĩnh Túc năm 2017.

- Phê duyệt Kế hoạch kỹ thuật sản xuất, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch đầu tư xây dựng 2018.

- Thông qua chủ trương xã hội hóa khai thác chế biến quặng sắt tại mỏ sắt Nà Lũng và khai thác tận thu quặng thiếc tại bãi thải Thập Lục Phần.

- Thông qua dự toán, đơn giá trần và kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện bóc đất, đá và khai thác quặng thiếc năm 2018

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Đầu tư duy trì sản xuất mỏ thiếc Tĩnh Túc”: đầu tư 01 máy xúc thủy lực gầu ngược bánh xích dung tích gầu $\geq 1,4m^3$

- Thông qua Phương án Hợp tác khai thác, chế biến quặng sắt Mỏ sắt Nà Lũng giai đoạn 2018 – 2026

Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Phó giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Tiến Hào.

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Lập phương án khảo sát, đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000 Khu Đông mỏ thiếc sa khoáng Tĩnh Túc”

- Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thanh lý lô Tài sản gồm 08 xe ô tô tự đổ Benlaz 7540A

- Thông qua giá khởi điểm thanh lý quặng Mangan tồn kho.

- Thông qua bán sản phẩm dờ dang Quặng nguyên khai Nà Lũng (Đất quặng sắt) tồn kho

- Thông qua phương án đấu giá sản phẩm thiếc thời quý IV/2018

- Thông qua phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;

- Ông Hà Ngọc Bình - Thành viên BKS; đại diện 14,53% số cổ phần có quyền biểu quyết;

- Bà Mai Hạnh Duyên - Thành viên BKS; sở hữu 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 01 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên còn lại vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công;

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Mức thù lao của các thành viên HĐQT và BKS năm 2018: Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 đạt như kế hoạch đã được thông qua, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thống nhất thực hiện chi trả phụ cấp cho các thành viên HĐQT và BKS.

Tiền lương Ban giám đốc năm 2018:

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương đồng/người/ tháng	Tổng cộng đồng/năm
1	Giám đốc	01	15.400.000	184.800.000
2	Phó giám đốc	01	12.700.000	152.400.000
	Cộng			337.200.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính đăng trên Website: <http://cmamc.com.vn>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tâm